

Số: 157/QĐ-ATTP

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm
phục vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm

CỤC TRƯỞNG CỤC AN TOÀN THỰC PHẨM

Căn cứ Luật an toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010 và Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 2 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT ngày 01/8/2013 của Bộ Y tế - Bộ Công Thương - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Quy định điều kiện, trình tự thủ tục chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước;

Xét hồ sơ đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng – Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Bình Thuận;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Tiêu chuẩn và Kiểm nghiệm;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chỉ định Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng – Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Bình Thuận, địa chỉ 04 Nguyễn Hội, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, thực hiện kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm đối với các chỉ tiêu kỹ thuật trong Danh mục chỉ tiêu được chỉ định kèm theo Quyết định này.

Mã số cơ sở kiểm nghiệm: 07/2018/BYT-KNTP

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực ba (03) năm, kể từ ngày ký.

Điều 3. Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng – Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Bình Thuận có trách nhiệm thực hiện công tác kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước khi có yêu cầu và phải tuân thủ các quy định và hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. Tâm

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BT. Nguyễn Thị Kim Tiên (để b/c);
- TT. Nguyễn Thanh Long (để b/c);
- Vụ KHCN - Bộ CT (để biết);
- Cục QLCLNLS&TS - Bộ NN&PTNT (để biết);
- Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Chi cục ATVSTP các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Lưu: VT, KN.



KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

Lê Văn Giang

DANH MỤC CHỈ TIÊU ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH
(Kèm theo Quyết định số 157/QĐ-ATTP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của
Cục An toàn thực phẩm)

TT	Tên chỉ tiêu được chỉ định	Phạm vi áp dụng	Giới hạn phát hiện (nếu có)/phạm vi đo	
			Phương pháp	Giới hạn phát hiện (nếu có)
I	Chỉ tiêu vi sinh vật			
1	Coliform tổng (kỹ thuật MPN)	Nước uống đóng chai, nước khoáng thiên nhiên đóng chai, nước đá dùng liền	TCVN 6187-2:1996	3 MPN/100 ml
2	Coliform tổng (Phương pháp màng lọc)		TCVN 6187-1:2009	1 CFU/250 ml
3	Feacalcoliform (kỹ thuật MPN)		TCVN 6187-2:1996	3 MPN/100 ml
4	<i>Escherichia coli</i> (kỹ thuật MPN)		TCVN 6187-2:1996	3 MPN/100 ml
5	<i>Escherichia coli</i> (Phương pháp màng lọc)		TCVN 6187-1:2009	1 CFU/250 ml
6	Phương pháp định lượng Coliform tổng số - Kỹ thuật đếm khuẩn lạc	Nước mắm, bánh kẹo có bổ sung vi chất	TCVN 6848:2007	10 CFU/g 1 CFU/ml
7	Phương pháp phát hiện và định lượng Coliform tổng số (Kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất)		TCVN 4882:2007	3 MPN/g 0,3 MPN/ml
8	Định lượng <i>E.coli</i>		TCVN 6846:2007	3 MPN/g 0,3 MPN/ml
9	Định lượng <i>Staphylococci</i> phản ứng dương tính với Coagulase		TCVN 4830-1:2005	10 CFU/g 1 CFU/ml
10	Định tính <i>Salmonella</i>		TCVN 4829:2005	LOD ₅₀ : 4,4l
11	Định tính <i>Vibrio parahaemolyticus</i>		ISO/TS 21872-1:2007	LOD ₅₀ : 4,49
II	Chỉ tiêu hóa lý			
12	Xác định Xyanua tổng	Nước uống đóng chai, nước khoáng thiên nhiên đóng chai, nước đá dùng liền	TCVN 6181:1996	0,03 mg/L
13	Xác định nguyên tố chọn lọc bằng phổ phát xạ quang plasma cặp cảm ứng (ICP-OES)		TCVN 6665:2011	Cd: 0,003 mg/L Pb: 0,006 mg/L Cu: 0,003 mg/L Zn: 0,007 mg/L Mn: 0,006 mg/L Cr: 0,003 mg/L Ni: 0,005 mg/L
14	Xác định Natri (Na) và Kali (K): Phương pháp đo phổ phát xạ ngọn lửa		TCVN 6196-3:2000	K: 0,13 mg/L Na: 0,1 mg/L
15	Xác định hàm lượng Asen (As)		TCVN 6626:2000	0,3 µg/L
16	Xác định hàm lượng Nitrat – Phương pháp trắc phổ dùng axit sunfosalixylic		TCVN 6180:1996	0,077 mg/L
17	Xác định hàm lượng Nitrit – Phương pháp trắc phổ hấp thụ phân tử		TCVN 6178:1996	0,002 mg/L

TT	Tên chỉ tiêu được chỉ định	Phạm vi áp dụng	Giới hạn phát hiện (nếu có)/phạm vi đo	
			Phương pháp	Giới hạn phát hiện (nếu có)
18	Xác định hàm lượng đường hóa học Saccharin	Nước mắm có bổ sung vị chất	TCVN 8471:2010 EN 12856:1999	5 mg/L
19	Xác định hàm lượng muối NaCl		TCVN 3701:2009	0,1 %
20	Xác định hàm lượng Nitơ tổng số		TCVN 3705:1990	0,5 mg/L
21	Xác định hàm lượng Nitơ Amoniac		TCVN 3706:1990	0,2 mg/L
22	Xác định hàm lượng axit (tính theo Acetic)		TCVN 3702:2009	0,5 mg/L

Ghi chú: Phạm vi áp dụng đối với các sản phẩm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước của Bộ Y tế.